

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động tiền tệ tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 74/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động tiền tệ quy định tại Thông tư số 74/2025/TT-NHNN thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2026.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính có mã 1.000867 được công bố tại Quyết định số 1254/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 6 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP2.LTHVân, CSTT.NTThảo.

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Phạm Tiến Dũng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TIỀN TỆ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 84 /QĐ-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2026 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1	1.000867	Đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng	Thông tư số 74/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn	Hoạt động tiền tệ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HỖ TRỢ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là TCTD) đáp ứng tiêu chí theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 14/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 74/2025/TT-NHNN (sau đây gọi là Thông tư 14/2018/TT-NHNN) gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo thời hạn như sau:

- Đối với áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ từ tháng 02 đến hết tháng 7 (giai đoạn 1), trước ngày 15 tháng 01;

- Đối với áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ từ tháng 8 đến hết tháng 01 năm tiếp theo (giai đoạn 2), trước ngày 15 tháng 7.

Bước 2: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, có văn bản (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử) đề thông báo cho TCTD về mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ áp dụng hoặc không chấp thuận áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo đề nghị của TCTD theo thời hạn như sau:

- Đối với giai đoạn 1: Trước ngày 30 tháng 01;

- Đối với giai đoạn 2: Trước ngày 30 tháng 7.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: TCTD đáp ứng đủ tiêu chí và có nhu cầu áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 14/2018/TT-NHNN.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế).

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo về mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ áp dụng hoặc không chấp thuận áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo đề nghị của TCTD.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ giai đoạn 1 (theo Phụ lục I đính kèm Thông tư 14/2018/TT-NHNN), đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ giai đoạn 2 (theo Phụ lục II đính kèm Thông tư 14/2018/TT-NHNN).

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

TCTD có có tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên tổng dư nợ tín dụng bình quân từ 40% trở lên và có nhu cầu áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ theo quy định tại Thông tư 14/2018/TT-NHNN.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;
- Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn;
- Thông tư số 74/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2018/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ các tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

PHỤ LỤC I**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Số:.....

ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 1

(từ tháng 02 đến hết tháng 7 năm hiện hành (năm t))

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)

Tên tổ chức tín dụng:

Số định danh của tổ chức tín dụng:

Tổ chức tín dụng báo cáo số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân và đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau:

1. Số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân

	Dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (triệu đồng)	Tổng dư nợ tín dụng (triệu đồng)	Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân (%)
1. Dư nợ			
Đến cuối ngày 30/9 năm trước liền kề (năm (t-1))	A1	B1	
Đến cuối ngày 31/12 năm trước liền kề (năm (t-1))	A2	B2	
2. Bình quân	$A=(A1+A2)/2$	$B=(B1+B2)/2$	$C=A/B \times 100\%$

2. Tổ chức tín dụng đề nghị áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau (nêu rõ mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 14/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung):....

..., ngày..... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC II**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Số:.....

ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2

(từ tháng 8 năm hiện hành (năm (t)) đến hết tháng 01 năm tiếp theo (năm (t+1)))

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế)

Tên tổ chức tín dụng:

Số định danh của tổ chức tín dụng:

Tổ chức tín dụng báo cáo số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân và đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau:

1. Số liệu tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân

	Dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (triệu đồng)	Tổng dư nợ tín dụng (triệu đồng)	Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp, nông thôn bình quân (%)
1. Dư nợ			
Đến cuối ngày 31/3 năm hiện hành (năm (t))	D1	E1	
Đến cuối ngày 30/6 năm hiện hành (năm (t))	D2	E2	
2. Bình quân	$D=(D1+D2)/2$	$E=(E1+E2)/2$	$F=D/E \times 100\%$

2. Tổ chức tín dụng đề nghị áp dụng mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ như sau (nêu rõ mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 14/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung):....

..., ngày..... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức danh và đóng dấu)